TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **09**/2023/DS-ST Ngày: 27-7-2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.

2. Bà Phạm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 11/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn M, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Q, huyện Yên Đinh, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông M, vắng mặt bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2023, bản tự khai ngày 28/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Bùi Văn M trình bày:

Ngày 07/7/2019 ông cho bà Lê Thị T vay số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*, mục đích vay để giải quyết công việc gia đình. Khi vay hai bên đã lập giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Sau khi vay, bà T đã trả cho ông được 04 tháng tiền lãi là 3.600.000đ, chưa trả lãi từ ngày

07/11/2019. Đến hạn trả nợ, ông đã đòi nhiều lần, liên tục nhưng bà T vẫn cố tình không trả nợ gốc và lãi cho ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà T phải trả nợ, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 60.000.000đ.

- Nợ lãi từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử 27/7/2023 là:

60.000.000đ x 1,5%/tháng x 44 tháng 20 ngày = 40.200.000đ.

Tổng gốc và lãi là 100.200.000đ.

Yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ cho ông.

Ông M không chấp nhận miễn tiền lãi cho bà T.

- Tại bản tự khai ngày 25/4/2023, bị đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận vào ngày 07/7/2019 bà có vay của ông Bùi Văn M số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)*, mục đích vay để làm nhà, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Sau khi vay, bà đã trả cho ông M được 04 tháng tiền lãi. Sau đó do gia đình khó khăn, bà chưa trả được tiền nợ gốc và lãi. Đến hạn trả nợ, ông M có đến nhà đòi nợ nhưng vì điều kiện chưa có nên bà khất nợ. Nay ông M khởi kiện đòi nợ, quan điểm của bà xin được miễn toàn bộ số tiền lãi, bà sẽ thu xếp tiền để trả nợ gốc chậm nhất vào ngày 15/5/2023.

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà T đều vắng mặt. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Bà T hẹn trả nợ gốc cho ông M chậm nhất vào ngày 15/5/2023 nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa: Bà T vắng mặt. Ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 60.000.000đ, nợ lãi là 40.200.000đ, tổng gốc và lãi là 100.200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Ông Bùi Văn M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả nợ gốc đã vay là 60.000.000đ, có tài liệu chứng M là Giấy vay tiền ngày 07/7/2019. Bà T thừa nhận có vay của ông M số tiền 60.000.000đ. Như vậy, việc vay tiền bị đơn đã thừa nhận, có giấy vay tiền, số tiền vay đã rõ ràng nên sự kiện vay tiền không phải chứng M.

Đến nay đã quá hạn trả nợ, ông M đòi nợ nhiều lần, liên tục, nhưng bà T chưa trả nợ. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho ông M số tiền nợ gốc là 60.000.000đ.

[5] Xét yêu cầu trả lãi:

Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Xét thấy mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất bà T đã trả tiền lãi được 04 tháng tính từ khi vay đến ngày 06/11/2019. Ông M yêu cầu bà T trả lãi từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất 1,5%/tháng là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà T phải trả cho ông M số tiền lãi từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử 27/7/2023 là:

60.000.000đ x 1,5%/tháng x 44 tháng 20 ngày = 40.200.000đ.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà T phải trả là 100.200.000đ.

Bà T xin miễn toàn bộ tiền lãi, nhưng ông M không đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu của bà T.

[6] Về án phí:

Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 5.010.000đ.

Ông M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không phải xử lý tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 149, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông Bùi Văn M số tiền nợ gốc là 60.000.000đ, nợ lãi là 40.200.000đ, tổng gốc và lãi là 100.200.000đ *(Một trăm triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 1,5%/tháng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.010.000đ *(Năm triệu không trăm mười nghìn đồng).*

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung